TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh On.

2. Ông Lại Thiện P.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Kiều D, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Hàn Thiện P, sinh năm 1991 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trịnh Kiều D trình bày: Chị và anh P xây dựng hôn nhân vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống, có hai người con chung là cháu Hàn Ngọc Lam A, sinh ngày 29/7/2016 và cháu Hàn Thiên P2, sinh ngày 12/4/2023. Hiện nay hai cháu đang sống cùng chị. Về tài sản chung và nợ chung, không có.

Quá trình chung sống, chị và anh P không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau và anh P cũng có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác khiến cuộc sống tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Chị và anh P

đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Vì vậy, nay chị yêu cầu ly hôn với anh P. Về con chung, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh P cấp Dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Hàn Thiện P từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, anh P đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà anh P để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp anh P nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh P. Về con chung, giao cháu Hàn Ngọc Lam A, sinh ngày 29/7/2016 và cháu Hàn Thiên P2, sinh ngày 12/4/2023 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi Dưỡng, giáo dục. Về cấp Dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị D phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trịnh Kiều D nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Hàn Thiện P. Khi khởi kiện, anh P có địa chỉ tại ấp Trèm Trẹm, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Trịnh Kiều D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Hàn Thiện P đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trịnh Kiều D và anh Hàn Thiện P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2015, quyển số 01/2015 ngày 11 tháng 4 năm 2015 nên hôn nhân giữa chị D và anh P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Chị Trịnh Kiều D xác định quá trình chung sống, chị và anh P không cùng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên ra cãi nhau và anh P cũng có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác khiến cuộc sống tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Đồng thời, chị và anh P đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2024 đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 15 tháng 8 năm 2024, ông Lê Văn K là Trưởng ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu xác định *"anh P đang cư trú tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nhưng đang đi làm xa nên thường xuyên vắng mặt tại địa phương, anh P biết việc chị D yêu cầu ly hôn nhưng không ý kiến"*. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 15/8/2024, ông Hàn Văn H là cha anh Hàn Thiện P xác định *"trong thời gian chung sống, chị D và anh P thường xuyên cãi nhau và anh P có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên hai người đã sống ly thân từ ngày 06/02/2024 đến nay. Khi Toà án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh P thì ông có thông báo cho anh P biết và anh P đồng ý ly hôn, đồng ý giao con cho chị D nhưng do đi làm xa không có thời gian về giải quyết"*. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh P đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh P biết chị D yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị D, điều này thể hiện thông qua việc Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh P để hòa giải, xét xử nhưng anh P có thái độ bỏ mặc không đến hòa giải và xét xử. Do đó, chị D yêu cầu được ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, chị D và anh P có hai người con chung là cháu Hàn Ngọc Lam A, sinh ngày 29/7/2016 và cháu Hàn Thiên P2, sinh ngày 12/4/2023. Hiện hai cháu đang sống cùng chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi Dỡng, giao dục cả cháu Lam A và cháu Thiên P2. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Từ khi ly thân đến nay, cháu Lam A và cháu Thiên P2 sống cùng chị D, chị D vẫn chăm sóc các cháu tốt, phát triển bình thường. Đồng thời, theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 01 tháng 7 năm 2024, cháu Lam A cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do vậy, cần giao cháu Hàn Ngọc Lam A, sinh ngày 29/7/2016 và cháu Hàn Thiên P2, sinh ngày 12/4/2023 cho chị D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi Dưỡng, giáo dục. Về cấp Dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trịnh Kiều D xác định quá trình chung sống, chị và anh P không có tài sản chung và nợ chung. Chị D, anh P cũng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Trịnh Kiều D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Kiều D với anh Hàn Thiện P. Xử cho chị Trịnh Kiều D được ly hôn với anh Hàn Thiện P.

2. Về con chung: Giao cháu Hàn Ngọc Lam A, sinh ngày 29/7/2016 và cháu Hàn Thiên P2, sinh ngày 12/4/2023 cho chị Trịnh Kiều D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi Dưỡng, giáo dục.

Anh Hàn Thiện P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp Dưỡng nuôi con: Chị Trịnh Kiều D không yêu cầu anh Hàn Thiện P cấp Dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trịnh Kiều D xác định không có, chị Trịnh Kiều D và anh Hàn Thiện P đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Trịnh Kiều D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Trịnh Kiều D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007707 ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hn;
- THADS huyện H;
- UBND thị trấn N, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu